ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 81 /QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 05 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án quản lý rừng và chứng chỉ rừng;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg, ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt ban hành kế hoạch thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 12/TTr-SNNPTNT ngày 20/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Phương án: Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa.

2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021-2030.

3. Tên chủ rừng: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa.

4. Địa chỉ: Số 93, Đường Anh hùng Núp, Tổ 5, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

5. Hiện trạng tài nguyên rừng và đất đai:

Tổng diện tích: 13.934,54 ha. Bao gồm:

- Đất rừng sản xuất : 13.824,22 ha; trong đó:
  + Đất có rừng tự nhiên : 8.194,39 ha.
  + Đất có rừng trồng : 222,03 ha.
  + Đất đã trồng rừng nhưng chưa thành rừng (DTR): 279,87 ha.
  + Đất có cây gỗ tái sinh (DT2) : 260,47 ha.
  + Đất chưa có rừng (DT1) : 2.589,21 ha.
  + Đất sản xuất nông nghiệp (NN): 2.278,01 ha.
  + Trạm bảo vệ rừng (DKH): 0,24 ha.
- Đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng : 110,32 ha; trong đó:
  + Đất có rừng trồng : 13,62 ha.
  + Đất đã trồng rừng nhưng chưa thành rừng (DTR): 0,11 ha.
  + Đất có cây gỗ tái sinh (DT2) : 4,55 ha.
  + Đất chưa có rừng (DT1) : 10,39 ha.
  + Đất sản xuất nông nghiệp (NN): 8,95 ha.
  + Đất sông suối (MN): 11,50 ha.
  + Đất khác (DKH): 61,20 ha.

6. Mục tiêu Phương án:

a. Về kinh tế:

- Dự kiến tổng số tiền thu từ dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2021-2030 là 13.133.385.000 đồng, bình quân 1 năm khoảng 1.313.338.500 đồng (năm 2021 thu: 1.252.721.000 đồng; năm 2022 thu: 1.373.956.000 đồng).

- Lợi nhuận từ kinh doanh rừng trồng dự kiến: 7.245.000 đồng/ha/7năm.

b. Về môi trường:

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 62,51%.

- Khu vực xã Chơ Glong có suối Đăk Pi Hao là suối lớn, có nước quanh năm; khu vực xã Chư Krey có hệ thống thủy lợi nhỏ, cung cấp tại chỗ cho đồng ruộng trên địa bàn và trong khu vực. Cả hai hệ thống suối trên có vai trò quan trọng trong việc cung ứng và điều tiết nguồn nước góp phần cải thiện môi trường sinh thái.

c. Về xã hội:

- Ước tính hàng năm thu hút tương ứng được khoảng gần 100 lao động thời vụ từ các xã trong vùng vào hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Công ty. Những công việc này rất phù hợp với lao động phổ thông, có trình độ thấp, giải quyết công ăn việc làm cho số lao động thời vụ nông nhàn.

- Thông qua các hoạt động kinh doanh rừng trồng, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo địa phương.

- Đáp ứng nhu cầu sinh kế từ rừng của cộng đồng sống gần rừng.

- Thông qua các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và sản xuất kinh doanh, có sự cộng tác tham gia của người dân trong vùng, sẽ góp phần nâng cao được ý thức bảo vệ tài nguyên rừng của người dân, từng bước xóa bỏ tình trạng du canh, phá rừng trái phép làm nương rẫy hoặc khai thác tài nguyên rừng trái phép.

7. Những nội dung chính của Phương án:

7.1. Kế hoạch sử dụng đất:

Trong giai đoạn 2021-2030 Công ty giữ ổn định diện tích là 13.934,54 ha. Trong đó:

- Đất rừng sản xuất : 13.824,22 ha.

- Đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng : 110,32 ha.

Bảng: Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030

Đơn vị tính: ha

TT	Loại đất, loại rừng	Mã	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch đến 2030	Tăng/ giảm	Ghi chú
I	**Tổng diện tích đất của chủ rừng quản lý**		**13.934,54**	**13.934,54**		
1	**Đất lâm nghiệp**	LNP	**13.824,22**	**13.824,22**		
1.1	***Đất rừng sản xuất***	***RSX***	***13.824,22***	***13.824,22***		
-	Rừng tự nhiên sản xuất	RSN	8.194,39	8.194,39		
-	Rừng trồng sản xuất	RST	222,03	501,90	279,87	DTR chuyển thành rừng

TT	Loại đất, loại rừng	Mã	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch đến 2030	Tăng/ giảm	Ghi chú
-	Rừng trồng nhưng chưa thành rừng	DTR	279,87	401,73	121,86	DT1, NN chuyển thành DTR
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh núi đất	DT2	260,47	260,47		
-	Diện tích núi đất	DT1	2.589,21	2.487,48	-101,73	Trồng rừng mới
-	Diện tích cây hàng năm	NN	2.278,01	1.978,01	-300,00	Trồng rừng mới
-	Trạm bảo vệ rừng	DKH	0,24	0,24		
2	**Đất ngoài QH 3 LR**		**110,32**	**110,32**		

7.2. Khu vực loại trừ và khu vực tổ chức sản xuất, kinh doanh rừng:

7.2.1. Khu vực loại trừ:

Rừng tự nhiên thường xanh nghèo (TXN), thường xanh trung bình (TXB), thường xanh giàu (TXG), rụng lá trung bình (RLB), rụng lá nghèo (RLN) và rụng lá kiệt (RLK); Diện tích: 8.194,39 ha.

7.2.2. Cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững là rừng trồng sản xuất:

- Diện tích: 200,00 ha.

- Nguồn vốn dự kiến: Hợp pháp khác.

7.3. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học:

7.3.1. Bảo vệ rừng:

Bảo vệ rừng: Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có: 8.710,02 ha; trong đó: Rừng sản xuất: 8.696,29 ha (rừng tự nhiên 8.194,39 ha; rừng trồng 222,03 ha; rừng trồng nhưng chưa thành rừng 279,87 ha); Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng: 13,73 ha (rừng trồng 13,65 ha; rừng trồng nhưng chưa thành rừng 0,08 ha).

- Dự kiến tổng kính phí: 29.499,804 triệu đồng.

- Nguồn vốn dự kiến: Ngân sách trung ương (sự nghiệp).

7.3.2. Xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng:

- Mục tiêu: Bảo đảm duy trì các hệ sinh thái ổn đinh, không bị tác động của cháy rừng. Với địa bàn quản lý rộng và tương đối phức tạp, Vì vậy, công tác phòng cháy, chữa cháy rừng phải được thực hiện thường xuyên trong mùa khô hàng năm.

- Đối tượng: Toàn bộ diện tích rừng trồng và rừng tự nhiên có nguy cơ cháy rừng cao.

- Biện pháp: Xác định vùng trọng điểm có nguy cơ dễ xảy ra cháy rừng đó là các khu vực rừng trồng, diện tích rừng tự nhiên ven các khu vực sản xuất nông nghiệp, ven các khu dân cư, ven các trục đường chính.

- Giải pháp về phòng cháy chữa cháy rừng:

+ Tăng cường công tác tuần tra, bảo vệ rừng và chủ động trong phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô hàng năm;

+ Làm giảm vật liệu cháy bằng cách thu gom những vật liệu khô và ngăn chặn kịp thời các tác nhân gây cháy;

+ Tuyên truyền giáo dục pháp luật, phổ biến kỹ thuật phòng cháy chữa cháy rừng cho người dân sống trong và ven khu vực do Công ty quản lý thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình và các lớp tập huấn về phòng cháy chữa cháy rừng;

+ Tổ chức hội nghị tổng kết và triển khai về phòng cháy chữa cháy rừng tại các thôn/làng;

+ Xây dựng hệ thống biển báo cháy, bảng nội quy, quy định về phòng cháy chữa cháy rừng.

- Tổ chức lực lượng phòng cháy chữa cháy rừng: Thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy rừng kết hợp với các hoạt động phòng chống chặt phá lấn chiếm đất rừng:

+ Ra quyết định thành lập và củng cố kiện toàn Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng cơ sở. Tăng cường năng lực chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng; theo dõi, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra về công tác phòng cháy chữa cháy rừng của Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng cơ sở.

+ Ban hành quy chế hoạt động, phân công, phân nhiệm cụ thể cho các thành viên trong ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng cơ sở.

+ Lực lượng phòng cháy chữa cháy rừng cơ sở bao gồm: Công nhân viên của Công ty, lực lượng hỗ trợ của Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng các xã trong khu vực lâm phần. Đối với lực lượng này thường xuyên phải được tập huấn, huấn luyện, trang bị phương tiện, dụng cụ chữa cháy để đảm bảo đủ kiến thức tham gia phòng cháy chữa cháy rừng đạt hiệu quả.

- Dự kiến kinh phí thực hiện: Dự kiến chi từ nguồn dịch vụ môi trường rừng với tổng kinh phí 725,9 triệu đồng. Trong đó:

+ Hoạt động tuyên truyền: 336,9 triệu đồng.

+ Trang thiết bị, dụng cụ, vật tư phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng: 79,0 triệu đồng.

+ Bồi dưỡng ngoài giờ, thông tin liên lạc (phục vụ bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng): 140,0 triệu đồng.

+ Nhiên liệu phục vụ kiểm tra, tuần tra, đôn đốc, hướng dẫn, ... công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng: 120,0 triệu đồng.

+ Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm: 50,0 triệu đồng.

* Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng: Điều tra xác định các sinh vật gây hại và nguồn dịch bệnh hại rừng nhằm phát hiện sớm và có biện pháp kiểm soát, phòng ngừa thích hợp. Chú trọng đến các loài sinh vật ngoại lai có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến các hệ sinh thái rừng trong lâm phần.

7.3.3. Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao:

- Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học:

+ Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm *(theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm).*

+ Biện pháp bảo vệ: Công bố danh mục các loại thực vật, động vật rừng quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng. Phổ biến, tuyên truyền Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm cho người dân trên địa bàn quản lý biết. Đóng các bảng tuyên truyền cấm khai thác gỗ, động vật hoang dã trái phép tại các cửa rừng nơi có nhiều người qua lại. Tổ chức trực trạm 24/24 giờ, tuần tra kiểm soát các hành vi, phương tiện của người dân ra vào trong khu vực cấm nghiêm ngặt. Phối hợp với chính quyền địa phương, các ngành chức năng trong việc xử lý các vi phạm xảy ra (nếu có).

- Khu rừng có giá trị bảo tồn cao: Bảo vệ và phát triển khu rừng nhằm bảo đảm ổn định nguồn nước và chất lượng nước, hạn chế xói mòn góp phần điều hòa khí hậu, dòng chảy và các dịch vụ thiết yếu khác của tự nhiên.

7.4. Kế hoạch phát triển rừng:

7.4.1. Kế hoạch phát triển rừng sản xuất:

a. Trồng, chăm sóc rừng trồng:

- Diện tích: 607,99 ha (trong đó: Trồng mới: 401,73 ha; Trồng lại sau khai thác trắng: 206,26 ha).

- Năm thực hiện: 2021-2030.

- Dự kiến kính phí: 12.253,079 triệu đồng.

- Nguồn vốn dự kiến: Vốn điều lệ.

b. Chăm sóc rừng tái sinh chồi sau khai thác:

- Diện tích: 447,5 ha.

- Năm thực hiện: 2023-2030.

- Dự kiến kính phí: 4.357,81 triệu đồng.

- Nguồn vốn dự kiến: Vốn điều lệ.

7.5. Kế hoạch khai thác lâm sản từ rừng sản xuất là rừng trồng:

- Diện tích: 566,42 ha; trong đó: Chu kỳ 1: 356,25 ha Chu kỳ 2, 3, 4: 210,17 ha.

- Phương thức khai thác: Khai thác trắng toàn bộ diện tích.

- Năm thực hiện: 2023-2030.

7.6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng:

Bảng: Tổng hợp các hạng mục đầu tư, mua sắm

ĐVT: triệu đồng

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn
I	**Đầu tư xây dựng cơ bản**				**2.320,0**	
1	Xây dựng mới trụ sở cơ quan	CT	1	2.000,0	2.000,0	Hợp pháp khác
2	Xây dựng mới trạm bảo vệ rừng	CT	1	320,0	320,0	Hợp pháp khác
II	**Đầu tư mua sắm thiết bị**				**200,0**	
1	Máy tính bàn, máy tính xách tay	Bộ	3	25,0	75,0	Hợp pháp khác
2	Bàn ghế hội trường	Bộ	1	60,0	60,0	Hợp pháp khác
3	Tủ đựng tài liệu, bàn làm việc	Bộ	6		65,0	Hợp pháp khác
Cộng					**2.520,0**	

7.7. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng:

- Hàng năm lồng ghép hoạt động trồng rừng, chăm sóc rừng trồng sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Lồng ghép hoạt động tuyên truyền đến người dân và học sinh trường học trong khu vực thuộc lâm phần Công ty quản lý về bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, phòng cháy chữa cháy rừng, …

- Hàng năm, đơn vị phối hợp với các thôn làng xác định các nhu cầu, để xây dựng dự toán kinh phí trình cấp thẩm quyền phê duyệt và phối hợp với người dân triển khai thực hiện.

7.8. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng:

- Dịch vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng;

- Các loại hình dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức triển khai, thực hiện: Đơn vị tổ chức thực hiện theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và một số quy định khác có liên quan.

7.9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng:

- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Hướng dẫn cách đốt dọn nương rẫy an toàn lửa rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Ký cam kết an toàn lửa rừng, không lấn, chiếm đất rừng đối với các hộ dân có nương rẫy gần rừng.

- In ấn tranh tuyên truyền: In lịch tờ, lịch cuốn tuyên truyền về bảo vệ rừng, động vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tiệt chủng để cấp phát cho người dân trong vùng.

- Đánh giá sơ kết công tác phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm.

- Khen thưởng những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm.

7.10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng:

a. Chương trình theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học: Theo quy định hiện hành.

b. Điều tra, kiểm kê rừng: Theo quy định hiện hành.

8. Nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư:

* Tổng vốn đầu tư cho các hạng mục dự kiến là: **49.356,593 triệu đồng.**

(Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng)

Bảng: Tổng hợp vốn đầu tư theo hạng mục

ĐVT: triệu đồng

STT	Hạng mục	Tổng kinh phí	Phân theo nguồn			
			Dịch vụ môi trường rừng	Hợp pháp khác	Ngân sách trung ương (Sự nghiệp)	Vốn điều lệ
1	Bảo vệ rừng	29.499,804			29.499,804	
2	Đầu tư lâm sinh	16.610,889				16.610,889
3	Đầu tư xây dựng cơ bản	2.320,000		2.320,000		
4	Hoạt động tuyên truyền	336,900	336,900			
5	Trang thiết bị, dụng cụ, vật tư phục vụ công tác quản lý BVR, PCCCR	79,000	79,000			
6	Bồi dưỡng ngoài giờ, thông tin liên lạc (phục vụ BVR,PCCCR,…)	140,000	140,000			
7	Nhiên liệu phục vụ kiểm tra, tuần tra, đôn đốc, hướng dẫn,... công tác BVR, PCCCR	120,000	120,000			
8	Xây dựng phương án PCCCR hàng năm	50,000	50,000			
9	Đầu tư mua sắm thiết bị	200,000		200,000		
Cộng		**49.356,593**	**725,900**	**2.520,000**	**29.499,804**	**16.610,889**

**** Phân theo các nguồn vốn và giai đoạn thực hiện như sau:***

Bảng: Tổng vốn đầu tư phân theo nguồn vốn và giai đoạn thực hiện

ĐVT: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Tổng kinh phí	Giai đoạn 2021-2030	
			2021-2025	2026-2030
Tổng cộng		**49.356,593**	**14.260,274**	**35.096,319**
I	**Ngân sách trung ương**	**29.499,804**	**4.916,634**	**24.583,170**
1	Vốn sự nghiệp	29.499,804	4.916,634	24.583,170
II	**Dịch vụ môi trường rừng**	**725,900**	**362,950**	**362,950**
III	**Hợp pháp khác**	**2.520,000**	**2.485,000**	**35,000**
IV	**Vốn điều lệ**	**16.610,889**	**6.495,690**	**10.115,199**

9. Hiệu quả của Phương án:

9.1. Hiệu quả về kinh tế, xã hội:

- Dự kiến tổng số tiền thu từ dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2021-2030 là 13.133.385.000 đồng, bình quân 1 năm khoảng 1.313.338.500 đồng (năm 2021 thu: 1.252.721.000 đồng; năm 2022 thu: 1.373.956.000 đồng).

- Lợi nhuận từ kinh doanh rừng trồng dự kiến: 7.245.000 đồng/ha/7năm.

- Thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong phương án này, ước tính hàng năm giải quyết công ăn việc làm cho khoảng trên 100 lao động phổ thông tại địa phương và các vùng lân cận. Công ty đã tạo việc làm, tăng thêm thu nhập của họ, góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo trên địa bàn.

- Đời sống vật chất, tinh thần của người lao động Công ty được cải thiện. Cộng đồng dân cư đang sinh sống gần lâm phần Công ty quản lý được nâng lên; được hưởng lợi thông qua việc giao khoán quản lý bảo vệ rừng. Góp phần làm giảm tệ nạn xã hội, tăng cường khối đoàn kết trong cộng đồng dân cư, củng cố an ninh quốc phòng.

- Thông qua các hoạt động của Công ty, nâng cao ý thức của mọi tầng lớp nhân dân về bảo vệ tài nguyên rừng nói chung và rừng của Công ty nói riêng.

- Cùng với các hiệu quả về kinh tế và môi trường, hiệu quả về mặt xã hội là hiện hữu trong công tác bảo tồn và phát triển bền vững rừng của Công ty. Khi kinh tế phát triển, thu nhập của người dân tăng và ổn định, đời sống văn hóa, vật chất, tinh thần được nâng cao, bản sắc văn hóa được giữ gìn, trình độ và nhận thức của người dân được nâng lên trong quá trình phát triển kinh tế sẽ tạo ra sự ổn định về an ninh, trật tự xã hội góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng.

9.2. Hiệu quả về môi trường:

- Thông qua các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hàng năm của Công ty, tỷ lệ che phủ rừng không ngừng tăng lên. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 62,51%.

- Cung cấp nguồn nước cho lưu vực suối Đăk Pi Hao là suối lớn, có nước quanh năm; khu vực xã Chư Krey có hệ thống thủy lợi nhỏ, cung cấp tại chỗ cho đồng ruộng trên địa bàn và trong khu vực. Cả hai hệ thống suối trên có vai trò quan trọng trong việc cung ứng và điều tiết nguồn nước góp phần cải thiện môi trường sinh thái.

10. Giải pháp thực hiện:

10.1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực:

- Để mọi hoạt động có hiệu quả, Công ty xây dựng cơ chế kiểm tra giám sát chặt chẽ hơn nữa từ trên xuống dưới. Việc kiểm tra giám sát được thể hiện qua nhiều hình thức cho phù hợp và hiệu quả, phát huy tinh thần tự giám sát. Sắp xếp lại bộ máy tổ chức hoạt động cho phù hợp với trình độ, chuyên môn của từng cán bộ công nhân viên trong đơn vị. Ban hành quy chế phân công nhiệm vụ công tác cho từng cán bộ công tác trong đơn vị phù hợp năng lực, sở trường và trình độ công tác theo quan điểm vì việc mà bố trí người.

- Các phòng ban, trạm được trang bị những trang thiết bị cần thiết để phục vụ cho công tác bảo vệ.

- Phòng Kế hoạch Kỹ thuật – Quản lý bảo vệ rừng tăng cường kết hợp với cán bộ của Công ty Lâm nghiệp Kông Chiêng, Ban quản lý rừng phòng hộ Hà Ra, Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc An Khê, cùng với Kiểm lâm huyện, cán bộ các xã chốt trên trạm Phân trường của đơn vị và tuần tra trên tuyến giáp ranh.

- Phối hợp chặt chẽ với các thôn, làng trên địa bàn lâm phần để thu hút được những lực lượng lao động nhàn rỗi tại đây tham gia vào hoạt động của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có, cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của họ. Có chính sách đãi ngộ để thu hút được nguồn lực có trình độ về phục vụ cho đơn vị.

10.2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan:

- Đối với công tác quản lý bảo vệ rừng phải có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa đơn vị chủ rừng, các ngành chức năng và chính quyền địa phương. Có biện pháp xử lý kịp thời, kiên quyết các đối tượng vi phạm Luật Lâm nghiệp, không phân biệt đối tượng vi phạm, nhằm phát huy tính răn đe, giáo dục và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, như vậy mới phát huy hiệu quả công tác bảo vệ rừng.

- Phối hợp chặt chẽ với các chủ rừng liên quan, chính quyền các xã trên địa bàn của Công ty trong các khâu: Xây dựng và triển khai kế hoạch, phương án quản lý bảo vệ rừng; Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư; Ký kết và triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp quản lý bảo vệ rừng giữa các xã và tổ chức đoàn thể.

- Các tổ, trạm của Công ty đã được phân công giao nhiệm vụ phải thường xuyên phối hợp với nhau trong việc triển khai nhiệm vụ. Thông tin chính xác kịp thời cho nhau, hỗ trợ nhau trong quản lý bảo vệ và tuân thủ sự lãnh chỉ đạo của Ban Giám đốc.

- Có chính sách khen thưởng cho người dân tham gia công tác phát hiện các vụ việc vi phạm công tác quản lý bảo vệ rừng thông qua đó vừa làm tốt công tác tuyên truyền vừa giúp cho lực lượng bảo vệ rừng của Công ty quản lý rừng hiệu quả hơn.

10.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ:

- Bố trí nâng cấp, mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng mới các hạng mục công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của quá trình sản xuất kinh doanh.

- Ứng dụng ảnh viễn thám – GIS, công nghệ thông tin trong điều tra rừng, quản lý tài nguyên rừng để đánh giá đúng diễn biến rừng, thay đổi đất đai.

10.4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư:

- Diện tích rừng trồng đưa vào khai thác trắng, sau khi trừ chi phí còn lại phải được đầu tư lại trồng rừng, chăm sóc rừng trồng.

- Nguồn vốn đầu tư cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên trong giai đoạn không khai thác tập trung chủ yếu theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công ích bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ nguồn vốn điều lệ Công ty và vốn liên doanh, liên kết:

+ Diện tích rừng trồng đưa vào khai thác trắng, sau khi trừ chi phí còn lại phải đầu tư lại trồng rừng, chăm sóc rừng trồng.

+ Liên kết với những doanh nghiệp có tiềm lực để đầu tư phát triển sản xuất và vay ưu đãi để đầu tư cho công tác kinh doanh nhằm tạo ra lợi nhuận để tái đầu tư phát triển rừng.

+ Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ của các dự án để xây dựng và thực hiện được cấp chứng chỉ rừng bền vững.

+ Là một đơn vị sản xuất kinh doanh, Công ty phải liên tục bổ sung vốn điều lệ, đồng thời nâng cao thêm vốn lưu động để phát triển sản xuất.

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh Công ty có thể liên doanh liên kết với các công ty khai thác và chế biến lâm sản trên địa bàn, nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất của Công ty luôn được đảm bảo và thực hiện được các hạng mục sản xuất kinh doanh mà phương án đã đặt ra.

10.5. Giải pháp về thị trường:

- Tăng cường sự hợp tác, liên doanh - liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để cung cấp nguyên liệu, vật tư, gia công, tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường các biện pháp tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm tinh chế để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, hạ giá thành sản phẩm, tiêu thụ hết sản phẩm làm ra.

(Có Phương án Quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa:

- Sau khi Phương án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Công ty tổ chức thực hiện theo đúng nội dung Phương án được duyệt, đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành đồng thời tự giám sát, đánh giá các hoạt động quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt.

- Hàng năm, trước ngày 10 tháng 12, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, chỉ đạo Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa xây dựng các dự án đầu tư; xây dựng kế hoạch hàng năm để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu đề ra. Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Phương án.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính cân đối, bố trí nguồn vốn; tổng hợp, đề xuất kinh phí thực hiện Phương án và báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định.

- Phối hợp các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định các hạng mục công việc, nguồn kinh phí thực hiện Phương án trước khi triển khai thực hiện.

- Hằng năm, trước ngày 15 tháng 12, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện Phương án theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

- Chủ trì, đề xuất nguồn vốn, hướng dẫn chi ngân sách nguồn vốn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối vốn triển khai thực hiện Phương án, hướng dẫn triển khai thực hiện các Kế hoạch của Phương án.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Phương án.

4. Ủy ban nhân dân huyện Kông Chro:

- Chủ trì, chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện các nội dung liên quan đến Phương án; đồng thời xây dựng kế hoạch, nhu cầu vốn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có).

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Phương án.

- Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh triển khai các hạng mục đầu tư có liên quan đến các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có liên quan phối hợp chặt chẽ với chủ rừng trong mọi hoạt động của Phương án; theo dõi việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững của chủ rừng trên địa bàn theo nội dung, kế hoạch đã xác định trong Phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt.

5. Các Sở, ngành, đơn vị liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, tạo điều kiện để Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững có hiệu quả; phối hợp, tổ chức thẩm định các hạng mục công việc, nguồn kinh phí thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Đối với các hoạt động từ năm 2021 đến nay đã được tổ chức triển khai thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định, Kế hoạch, Chương trình, Dự án đã được phê duyệt.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Ủy ban nhân dân huyện Kông Chro; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp